

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2024/HNGĐ-ST**.

Ngày: 16/01/2024.

V/v Tranh chấp hôn nhân & gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Mai.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Khương và bà Nguyễn Thị Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Đào Anh Vũ - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 981/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023, về việc việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228/2023/QĐXX-HNGĐ, ngày 29/12/2023, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Minh Trang A, sinh năm 1994

Địa chỉ: Số 123 H, tổ dân phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

**Bị đơn:** Ông Lương Đình C, sinh năm 1993;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ: Số 123 H, tổ dân phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện đang chấp hành án tại: Trại tạm giam Đắk Trung (Địa chỉ xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk) (Đề nghị xét xử mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*1. Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Minh Trang A trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Lương Đình C sống chung tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, ngày 18/5/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình trái ngược nhau. Sau đó thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh càng thẳng, ngày càng trầm trọng. Đến ngày 28/02/2023 ông C bị bắt về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk. Nay, tôi thấy

vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với ông C .

- Về con chung: Tôi và ông C có một con chung là Lương Đình K , sinh ngày 16/8/2015. Hiện nay cháu K đang ở với tôi, khi ly tôi có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn ông Lương Đình C : Quá trình giải quyết vụ án do ông C đang bị tạm giam tại trại giam công an tỉnh Đắk Lắk. Tại văn bản trình bày ý kiến ông C trình bày như sau:

Tôi (Lương Đình C ) và bà Nguyễn Minh Trang A tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, ngày 18/5/2015.

- Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình trái ngược nhau. Sau đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng và trầm trọng. Đến ngày 28/02/2023 tôi bị bắt về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy”, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, bà T làm đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn tôi thì tôi đồng ý.

- Về con chung: Tôi và bà T có một con chung là Lương Đình K , sinh ngày 16/8/2015. Hiện nay cháu K đang ở với mẹ là T và do bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng, sau khi ly hôn tôi đồng ý để cho bà T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Minh Trang A . Cho bà Nguyễn Minh Trang A được ly hôn với ông Lương Đình C ;

Về con chung: Giao cháu Lương Đình K , sinh ngày 16/8/2015 cho bà Nguyễn Minh Trang A trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra lại tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu xin được ly hôn và nuôi con, đây là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Thủ tục tố tụng: Bà T và ông C đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt . Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Minh Trang A và ông Lương Đình C tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình duy trì quan hệ hôn nhân cả hai đều thừa nhận có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Hiện nay ông C đang bị tạm giam về hành vi mua bán trái phép chất ma túy nên không thể duy trì hạnh phúc gia đình. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Minh Trang A và ông Lương Đình C đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được và ông C cũng đồng ý ly hôn. Do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Minh Trang A, bà Nguyễn Minh Trang A được ly hôn với ông Lương Đình C là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

**Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên**

*1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.*

.....  
Về con chung: Bà Nguyễn Minh Trang A và ông Lương Đình C có 01 con chung là cháu Lương Đình K, sinh ngày 16/8/2015. Bà Trang và ông C đều có nguyện vọng giao cháu Khoa cho bà Trang trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Khoa cũng có nguyện vọng ở với bà T. Xét thấy nguyện vọng của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trang không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Minh Trang A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***Vì các lý trên;***

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng: khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Minh Trang A .

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Minh Trang A được ly hôn với ông Lương Đình C .

2. Về con chung: Giao cháu Lương Đình K , sinh ngày 16/8/2015 cho bà Nguyễn Minh Trang A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Minh Trang A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0004394, ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án này được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- Chi cục THADS Tp. BMT;
- UBND xã E, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( Đã ký)**

**Lê Thị Mai**